TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 12/6/2018
V/v: Tranh chấp hợp Đ dân sự "Mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST- DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp Đ dân sự mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T (Thành T), sinh năm: 1957 (*Chủ DNTN Thành T, trong giấy phép kinh doanh là Nhà máy nước đá*)

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Thứ Mười Một, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện ủy quyền cho ông T: Luật sư Huỳnh Phương C, thuộc văn phòng luật sư Phạm Văn C, Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang theo hợp Đ ủy quyền ngày 01/6/2018. (Có mặt)

* Bị đơn**:** Anh Cao Văn Đ, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8I, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/12/2017, bản tự khai ngày 12/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông T trình bày và yêu cầu như sau*: Từ giữa năm 2013, anh Cao Văn Đ (*lúc bắt đầu giao dịch mua bán thì anh Đ dung tên là Nguyễn Thanh Đ*) có đến Nhà máy nước đá do ông T làm chủ để mua nước đá cây về bán lẻ lại cho bà con. Lúc giao dịch với nhau, thống nhất giá tiền mỗi cây nước đá là 10.000 đồng.

Từ ngày 30/7/2013 đến ngày 29/8/2013 anh Đ lấy tổng cộng 1119 cây nước đá, ông T giảm bớt cho anh Đ 108 cây nước, số còn lại là 1011 cây tương đương số tiền là 10.110.000 đồng. Sau đó anh Đ có gửi trả cho ông T số tiền là 7.000.000 đồng, còn nợ lại 3.110.000 đồng thì giữa ông T và anh Đ vẫn tiếp tục mua bán với nhau. Từ ngày 30/8/2013 đến ngày 9/9/2013, anh Đ lấy thêm 507 cây nước đá, ông T giảm bớt cho anh Đ 22 cây, số còn lại là 485 cây tương đương số tiền là 4.850.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mà anh Đ còn nợ lại 02 khoản là 7.960.000 đồng. Hai bên thống nhất kết sổ và anh Đ có viết giấy cho ông T nhưng ghi tên là Nguyễn Thanh Đ. Sau khi kết sổ thì anh Đ ngưng giao dịch không lấy nước đá nữa, Đ thời anh Đ cũng không chịu trả số tiền còn nợ lại cho ông T.

Ông T có nhiều lần gặp anh Đ để đòi số tiền còn nợ lại nhiều lần nhưng anh Đ cứ lẫn trốn và khi ra UBND xã Thuận Hòa giải quyết thì anh Đ chỉ thừa nhận còn nợ là 6.970.000 đồng và hứa trả mỗi tháng là 500.000 đồng, ông T không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Cao Văn Đ phải trả cho ông T 01 lần số tiền còn nợ lại là 7.960.000 đồng trong thời gian 10 ngày và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ tháng 01/2014 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại phiên tòa: Đại diện cho ông T, ông C yêu cầu anh Cao Văn Đ trả cho ông T số tiền nợ còn lại là 7.960.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 9%/năm, thời gian tính lãi từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2018. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

** Theo bản tự khai ngày 12/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đ trình bày và yêu cầu như sau*: Anh Đ xác định là anh có mua nước đá cây của ông T và hiện nay anh vẫn còn nợ ông T số tiền là 7.960.000 đồng là đúng. Nhưng lời trình bày của ông T là chưa đúng vì khi giao dịch ông có nói chỉ bán cho anh Đ mỗi cây nước đá có giá chỉ là 7.000 đồng chứ không phải 10.000 đồng như ông T trình bày.

Anh Đ thừa nhận là khi giao dịch với ông T anh Đ có dùng tên khác là Nguyễn Thanh Đ (*do anh Đ sợ ông T yếm bùa*) nhưng thực chất họ và tên đầy đủ của anh là Cao Văn Đ.

Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc còn lại là 7.960.000 đồng và đồng ý trả cho ông T phần tiền lãi từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2018 và Đ ý tính lãi suất là 9%/năm. Nhưng do hoàn cảnh gia đình anh hiện nay rất khó khăn nên anh xin trả dần cho ông T mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc và lãi cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T (Thành T) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Cao Văn Đ (*có nơi cư trú tại ấp 8I, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền mua nước đá cây của ông còn nợ lại, quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự "mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ giữa năm 2013, ông Đ có đến Nhà máy nước đá do ông T làm chủ để mua nước đá cây về bán lẻ lại cho bà con. Từ ngày 30/7/2013 đến ngày 29/8/2013 và từ ngày 30/8/2013 đến ngày 9/9/2013 ông Đ còn thiếu lại ông T là 7.960.000 đồng. Hai bên thống nhất kết sổ và sau khi kết sổ thì anh Đ không lấy nước đá của ông T và cũng không thanh toán số tiền còn nợ lại cho ông T.

Ông T có nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng hòa giải không thành nên ông T khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ trả cho ông 01 lần số tiền gốc còn nợ lại 7.960.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2018 với mức lãi suất là 9%/năm.

2.1 Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu anh Đ trả cho ông số tiền mua nước đá còn nợ lại là 7.960.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2018 là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Đ xác nhận còn nợ ông T số tiền gốc là 7.960.000 đồng và tiền lãi từ tháng 01/2014 đến nay chưa trả được.

2.2 Đối với phần lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông T và anh Đ cùng thống nhất tính mức lãi suất là 9%/năm và thời gian tính từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2018 là 53 tháng (*7.960.000 Đ x 0.75% x 53 tháng*) với số tiền là 3.164.100 đồng. Tổng cộng số tiền anh Đ còn nợ lại ông T gốc và lãi là 11.124.100 đồng (*Mười một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm* đồng). Xét thấy, việc thỏa thuận và thống nhất thời gian tính lãi và mức lãi suất là sự tự nguyện giữa các đương sự và không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên HĐXX ghi nhận.

2.3 Xét lời khai nại của bị đơn anh Đ, cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh xin trả dần cho ông T mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 11.124.100 đồng (*Mười một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm Đ*).

HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả nợ của anh Đ là kéo dài thời gian làm thiệt thòi quyền lợi của ông T và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông T cũng không Đ ý theo yêu cầu trả nợ của anh Đ.

Ngoài ra, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Do đó, cần buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc và lãi tổng cộng là 11.124.100 đồng (*Mười một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm* đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Buộc anh Cao Văn Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông Đặng Thành T là 11.124.100 Đ x 5% = 556.205 đồng (*Năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ năm đồng*).

- Do yêu cầu của ông Đặng Văn T (Thành T) được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008596 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Cao Văn Đ trả cho ông Đặng Văn T (Thành T) số tiền cả gốc và lãi là 11.124.100 đồng (*Mười một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn một trăm* đồng).

Kể từ ngày ông Đặng Văn T (Thành T) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Cao Văn Đ không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST:

- Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn T (Thành T) số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số 0008596 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc anh Cao Văn Đ phải chịu án phí là 556.205 đồng (*Năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm lẻ năm đồng*).

3. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/6/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình